

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 31/5/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Mai Hương

2. Bà Triệu Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Nam Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc: *Tranh chấp ly hôn*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/5/2024, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thu T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Địa chỉ: xóm 2, nhà máy Z129, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Vi Văn T; sinh năm 1992; Địa chỉ: xóm 14, nhà máy Z129, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vi Văn T từ năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Tuy nhiên hai bên gia đình chưa tổ chức đám cưới, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hòa hợp, bất đồng

quan điểm, không thể chung sống hạnh phúc. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2023, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị đã làm lễ ăn hỏi và lễ đón dâu lần 1 theo phong tục nhưng chưa tổ chức đám cưới. Trong thời gian chờ tổ chức lễ cưới, hai bên có những bất đồng quan điểm không thống nhất được, dẫn đến mâu thuẫn, áp lực về tinh thần cả hai bên. Khi Chị T làm đơn ly hôn anh vẫn có nguyện vọng vợ chồng nói chuyện để đoàn tụ. Tuy nhiên, sau thời gian Tòa án để anh chị tự thỏa thuận, Chị T vẫn kiên quyết ly hôn nên anh nhất trí ly hôn với Chị T.

Về con chung: Anh và Chị T không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ, tổ chức hoà giải. Tuy nhiên Chị T có đơn từ chối hoà giải, không muốn hai bên gặp mặt, do đó Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu T, xử cho chị Trần Thu T được ly hôn với anh Vi Văn T. Về con chung, tài sản, công nợ chung: Chị T và anh T không có nên không đề nghị HĐXX xem xét. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX tuyên nghĩa vụ chịu án phí ly hôn sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án

giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Vi Văn T hiện đang cư trú, tại xã Đ, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Chị T, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu T, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị T và anh T kết hôn từ năm 2023. Sau khi đăng ký kết hôn, gia đình hai bên có tổ chức lễ hỏi nhưng chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Trong thời gian chuẩn bị tổ chức lễ cưới, Chị T và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn Chị T và anh T đều xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hoà hợp được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Chị T và anh T đều có ý kiến nhất trí ly hôn, nhưng Chị T không muốn gặp anh T để thoả thuận việc thuận tình ly hôn, mà đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T nhất trí ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung, tài sản, công nợ chung: Chị T và anh T đều xác định không có nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu T được ly hôn anh Vi Văn T.

2. Về án phí: Chị Trần Thu T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000145 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Vi Văn T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Mai Hương – Triệu Thị Hà

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Mai Hương – Triệu Thị Hà

Nguyễn Văn Toàn

